TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-6-2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Hoài Khanh;
2. Bà Đoàn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 429/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc Q, sinh năm: 1981. (có mặt)
Địa chỉ: Số 135 đường Đ, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1970. (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 135 đường Đ, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – bà Trương Thị Ngọc Q trình bày:* Bà Q và chồng là ông Trần Văn H tự quen biết và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang ngày 07/12/2000. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2005 thì xảy ra mâu thuẫn, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đến tháng 5/2005 ông H đã bỏ đi đến nay không có tin tức gì, gia đình cũng đã tổ chức tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cũng không có kết quả. Bà Q đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông H là người mất tích theo quy định của pháp luật và đã được Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tuyên bố ông Trần Văn H là người mất tích theo Quyết định số 02/2017/QĐDS/ST ngày 10/7/2017. Nay ông H vẫn không trở về, để đảm bảo quyền lợi của mình, bà Q yêu cầu được ly hôn với ông H.

Lý do xin ly hôn: Bà Q cho rằng quá trình chung sống tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông H đã biệt tích nhiều năm. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

Về con chung: Bà Q xác nhận có một con chung tên Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/5/2001, hiện đang sống cùng với bà Q. Bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Q cam đoan đã trình bày đúng sự thật.

** Bị đơn – ông Trần Văn H:* Ông Trần Văn H đã được tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2017/QDDS-ST ngày 10/7/2017 đến nay vẫn không có tin tức gì. Nay bà Q yêu cầu ly hôn, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của ông H.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn – bà Q xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông H, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xác nhận không có tài sản chung và cam kết khôn có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Trương Thị Ngọc Q có đơn khởi kiện xin ly hôn ông Trần Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 135 đường Đ, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông Trần Văn H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tuyên bố là người mất tích, vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/12/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Q khởi kiện xin ly hôn vì cho rằng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân do ông H đã bỏ đi đâu không rõ từ năm 2005 đến nay. Bà Q đã tìm kiếm và thông báo trên các phương tiện thông tin nhưng vẫn không có tin tức.

Đối với bị đơn – ông Trần Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật nhưng ông H không có ý kiến xác nhận hay phản đối nào đối với các yêu cầu theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Q tại Toà án cũng như chứng cứ do bà Q cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, tại phiên tòa xét xử bà Q cũng khẳng định không thể tiếp tục chung sống với ông H, xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân ông H đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích đến nay vẫn không có tin tức gì. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà Q, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q đối với ông H.

[3] Về con chung: Bà Q xác nhận có một con chung tên Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/5/2001, từ lúc sinh đến nay bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Q về việc nuôi dưỡng con chung; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà Q về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q xác nhận không có tài sản chung, và cam kết hiện nay không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn – bà Trương Thị Ngọc Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Ngọc Q đối với ông Trần Văn H. Bà Trương Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/5/2001 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q xác nhận không có tài sản chung, và cam kết hiện nay không nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này ông H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Q phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009732 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà Quyên đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tất Ngọc Trân